

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **09/2022/DS-ST**

Ngày: 24 - 01 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng góp hui
và hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tăng Thị Bạch Vân.

Bà Lê Thị Diễm Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng góp hui và hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 345/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2021 và Thông báo về việc dời ngày xét xử sơ thẩm vụ án số: 18/2022/TB-TA ngày 10 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà P. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

1.2. Ông H. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của bà P: Ông H. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/11/2021) (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Bà L. Địa chỉ: Ấp A1, xã B1, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2.2. Ông T. Địa chỉ: Ấp A1, xã B1, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2021 và các lời khai trong quá trình giải*

quyết vụ án, nguyên đơn ông H đồng thời cũng là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà P trình bày: Bà L là hội viên, đã tham gia chơi 04 dây hội tháng và 03 dây hội mùa do bà P làm chủ hội. Sau khi hết hội xong bà L không đóng hội chết cho bà P, cụ thể như sau:

*** Hội tháng:**

+ **Dây 1:** Hội tháng 1.000.000đồng, mở ngày 15/5/2019 âm lịch (âl), mãn ngày 15/6/2021 âl, có 27 phần, bà L tham gia 03 phần (để tên L T - L A1), bà L đã hết hết (Lần 1, 2, 16).

- Phần 1: Bà L hết đầu, ra lời 300.000đồng, hết được số tiền 17.000.000đồng. Bà L đóng hội chết được 21 lần = 21.000.000đồng (từ tháng 6/2019 đến tháng 01/2021 âl - có nhuận tháng 4/2020 âl). Từ tháng 02/2021 âl đến tháng 04/2021 âl bà L không đóng hội chết cho bà P là 03 tháng x 1.000.000đồng = 3.000.000đồng. Dây hội này còn lại 02 lần khai nữa mới mãn.

- Phần 2: Bà L đóng hội sống được 01 lần, đến lần khai thứ 2 thì bà L hết, ra lời 250.000đồng, hết được số tiền 18.750.000đồng. Bà L đóng hội chết được 20 lần = 20.000.000đồng (từ tháng 7/2019 đến tháng 01/2021 âl - có nhuận tháng 4/2020 âl). Từ tháng 02/2021 âl đến tháng 04/2021 âl bà L không đóng hội chết cho bà P là 03 tháng x 1.000.000đồng = 3.000.000đồng. Dây hội này còn lại 02 lần khai nữa mới mãn.

- Phần 3: Bà L đóng hội sống được 15 lần, đến lần khai thứ 16 thì bà L hết, ra lời 200.000đồng, hết được số tiền 23.300.000đồng. Bà L đóng hội chết được 06 lần = 6.000.000đồng (từ tháng 8/2020 đến tháng 01/2021 âl). Từ tháng 02/2021 âl đến tháng 04/2021 âl bà L không đóng hội chết cho bà P là 03 tháng x 1.000.000đồng = 3.000.000đồng. Dây hội này còn lại 02 lần khai nữa mới mãn.

Tổng cộng 03 phần bà L còn nợ bà P 9.000.000đồng.

+ **Dây 2:** Hội tháng 1.000.000đồng, mở ngày 15/10/2019 âl, mãn ngày 15/02/2022 âl, có 28 phần, bà L tham gia 03 phần (để tên L T), bà L đã hết hết (Lần 4, 11, 16).

- Phần 1: Bà L đóng hội sống được 03 lần, đến lần khai thứ 4 thì bà L hết, ra lời 360.000đồng, hết được số tiền 17.220.000đồng. Bà L đóng hội chết được 13 lần = 13.000.000đồng (từ tháng 02/2020 đến tháng 01/2021 âl - có nhuận tháng 4/2020 âl). Từ tháng 02/2021 âl đến tháng 04/2021 âl bà L không đóng hội chết cho bà P là 03 tháng x 1.000.000đồng = 3.000.000đồng. Dây hội này còn lại 08 lần khai nữa mới mãn.

- Phần 2: Bà L đóng hội sống được 10 lần, đến lần khai thứ 11 thì bà L hết, ra lời 210.000đồng, hết được số tiền 23.430.000đồng. Bà L đóng hội chết được 06 lần = 6.000.000đồng (từ tháng 8/2020 đến tháng 01/2021 âl). Từ tháng 02/2021 âl đến tháng 04/2021 âl bà L không đóng hội chết cho bà P là 03 tháng x 1.000.000đồng = 3.000.000đồng. Dây hội này còn lại 08 lần khai nữa mới mãn.

- Phần 3: Bà L đóng hội sống được 15 lần, đến lần khai thứ 16 thì bà L hết, ra lời 270.000đồng, hết được số tiền 23.260.000đồng. Bà L đóng hội chết được 01

lần = 1.000.000đồng (tháng 01/2021 âl). Từ tháng 02/2021 âl đến tháng 04/2021 âl bà L không đóng hụi chết cho bà P là 03 tháng x 1.000.000đồng = 3.000.000đồng. Dây hụi này còn lại 08 lần khai nữa mới mãn.

Tổng cộng 03 phần bà L còn nợ bà P 9.000.000đồng.

+ **Dây 3:** Hụi tháng 1.000.000đồng, mở ngày 30/11/2019 âl, mãn ngày 30/6/2021 âl, có 21 phần, bà L tham gia 03 phần (đề tên L T), bà L đã hốt hết (Lần 1, 4, 8).

- Phần 1: Bà L hốt đầu, ra lời 250.000đồng, hốt được số tiền 13.000.000đồng. Bà L đóng hụi chết được 16 lần = 16.000.000đồng (từ tháng 12/2019 đến tháng 01/2021 âl - có nhuận tháng 4/2020 âl). Từ tháng 02/2021 âl đến tháng 3/2021 âl bà L không đóng hụi chết cho bà P là 02 tháng x 1.000.000đồng = 2.000.000đồng. Dây hụi này còn lại 03 lần khai nữa mới mãn.

- Phần 2: Bà L đóng hụi sống được 03 lần, đến lần khai thứ 4 thì bà L hốt, ra lời 400.000đồng, hốt được số tiền 12.700.000đồng. Bà L đóng hụi chết được 12 lần = 12.000.000đồng (từ tháng 3/2020 đến tháng 01/2021 âl - có nhuận tháng 4/2020 âl). Từ tháng 02/2021 đến tháng 3/2021 âl bà L không đóng hụi chết cho bà P là 02 tháng x 1.000.000đồng = 2.000.000đồng. Dây hụi này còn lại 03 lần khai nữa mới mãn.

- Phần 3: Bà L đóng hụi sống được 07 lần, đến lần khai thứ 8 thì bà L hốt, ra lời 330.000đồng, hốt được số tiền 15.210.000đồng. Bà L đóng hụi chết được 08 lần = 6.000.000đồng (từ tháng 6/2020 đến tháng 01/2021 âl). Từ tháng 02/2021 âl đến tháng 3/2021 âl bà L không đóng hụi chết cho bà P là 02 tháng x 1.000.000đồng = 2.000.000đồng. Dây hụi này còn lại 03 lần khai nữa mới mãn.

Tổng cộng 03 phần bà L còn nợ bà P 6.000.000đồng.

+ **Dây 4:** Hụi tháng 1.000.000đồng, mở ngày 29/7/2020 âl, mãn ngày 29/7/2022 âl, có 25 phần, bà L tham gia 03 phần (đề tên L T), bà L đã hốt hết (Lần 2, 3, bán lại 4) .

- Phần 1: Bà L đóng hụi sống được 01 lần, đến lần thứ 2 bà L hốt, ra lời 250.000đồng, hốt được số tiền 15.400.000đồng. Bà L đóng hụi chết được 05 lần = 5.000.000đồng (từ tháng 9/2020 đến tháng 01/2021 âl). Từ tháng 02/2021 âl đến tháng 3/2021 âl bà L không đóng hụi chết cho bà P là 02 tháng x 1.000.000đồng = 2.000.000đồng. Dây hụi này còn lại 16 lần khai nữa mới mãn.

- Phần 2: Bà L đóng hụi sống được 02 lần, đến lần khai thứ 3 thì bà L hốt, ra lời 250.000đồng, hốt được số tiền 14.700.000đồng. Bà L đóng hụi chết được 04 lần = 4.000.000đồng (từ tháng 10/2020 đến tháng 01/2021 âl). Từ tháng 02/2021 âl đến tháng 3/2021 âl bà L không đóng hụi chết cho bà P là 02 tháng x 1.000.000đồng = 2.000.000đồng. Dây hụi này còn lại 16 lần khai nữa mới mãn.

- Phần 3: Bà L đóng hụi sống được 03 lần, đến lần khai thứ 4 thì bà L bán hụi lại cho bà P, lần khai này ra lời, ra lời 270.000đồng, được số tiền 17.380.000đồng. Bà L phải đóng hụi chết cho bà P 21 lần - 21.000.000đồng (từ tháng 11/2020 đến tháng 7/2022). Bà L đóng hụi chết cho bà P được 03 lần =

3.000.000đồng (từ tháng 10/2020 đến tháng 01/2021 âl). Từ tháng 02/2021 đến tháng 3/2021 âl bà L không đóng hụi chết cho bà P là 02 tháng x 1.000.000đồng = 2.000.000đồng. Phần hụi này còn lại 16 lần khai nữa mới mãn.

Tổng cộng 03 phần bà L còn nợ bà P 6.000.000đồng.

Tổng cộng 04 dây hụi tháng bà L còn nợ bà P 30.000.000đồng (dây 1: 9.000.000đồng + dây 2: 9.000.000đồng + dây 3: 6.000.000đồng + dây 4: 6.000.000đồng).

*** Hụi mùa:**

+ **Dây 1:** Hụi mùa (bốn tháng khai một lần) 5.000.000đồng, mở ngày 06/8/2016 âl, mãn ngày 16/4/2022 âl, có 18 phần, bà L tham gia 06 phần (để tên L T, L2, L3, L1, L4), bà L đã hốt hết 06 phần vào các lần khai 1-L, 2-L, 3-L1, 4-L2, 6-L3, 7-L4.

Sau khi bà L hốt hết 06 phần hụi, bà L có đóng hụi chết được 06 lần (từ vụ tháng 12/2018 âl đến vụ tháng 12/2020 âl). Đến vụ tháng 4/2021 âl thì bà L không đóng hụi chết cho bà P 06 phần x 5.000.000đồng = 30.000.000đồng. Dây hụi này còn 03 lần khai nữa mới mãn.

+ **Dây 2:** Hụi mùa (bốn tháng khai một lần) 5.000.000đồng, mở ngày 15/12/2018 âl, mãn ngày 15/12/2023 âl, có 16 phần, bà L tham gia 03 phần (để tên L5, L6), bà L đã hốt hết 03 phần vào các lần khai 1-L5, 2-L6, 4-L T, L6.

Sau khi bà L hốt hết 03 phần hụi, bà L có đóng hụi chết được 03 lần (từ vụ tháng 4/2020 âl đến vụ tháng 12/2020 âl). Đến vụ tháng 4/2021 âl thì bà L không đóng hụi chết cho bà P 03 phần x 5.000.000đồng = 15.000.000đồng. Dây hụi này còn 08 lần khai nữa mới mãn.

+ **Dây 3:** Hụi mùa (bốn tháng khai một lần) 3.000.000đồng, mở ngày 30/11/2019 âl, mãn ngày 30/7/2024 âl, có 15 phần, bà L tham gia 01 phần (để tên L T), bà L đóng hụi sống được 02 lần, đến lần khai thứ 3 thì bà L hốt, ra lời 1.600.000đồng, hốt được 21.300.000đồng. Bà L đóng hụi chết được 01 lần = 3.000.000đồng (vụ tháng 11/2020 âl). Đến vụ tháng 3/2021 âl bà L không đóng hụi chết cho bà P 3.000.000đồng. Dây hụi này còn 10 lần khai nữa mới mãn.

Tổng cộng 03 dây hụi mùa bà L còn nợ bà P 48.000.000đồng (dây 1: 30.000.000đồng + dây 2: 15.000.000đồng + dây 3: 3.000.000đồng).

Tổng cộng 04 dây hụi tháng và 03 dây hụi mùa bà L còn nợ bà P 78.000.000đồng (hụi tháng: 30.000.000đồng + hụi mùa: 48.000.000đồng).

Ngoài ra, bà L còn vay mượn của bà P, ông H 09 lần:

Lần 1: Vào ngày 22/02/2019 bà L vay mượn 15.000.000đồng;

Lần 2: Vào ngày 26/8/2019 bà L vay mượn 30.000.000đồng;

Lần 3: Vào ngày 15/02/2020 bà L vay mượn 10.000.000đồng;

Lần 4: Vào ngày 20/6/2020 bà L vay mượn 60.000.000đồng;

Lần 5: Vào ngày 20/6/2020 bà L vay mượn 30.000.000đồng;

Lần 6: Vào ngày 02/6/2020 bà L vay mượn 50.000.000đồng;

Lần 7: Vào ngày 25/6/2020 bà L vay mượn 20.000.000đồng;

Lần 8: Vào ngày 12/8/2020 bà L vay mượn 60.000.000đồng;

Lần 9: Vào ngày 08/10/2020 bà L vay mượn 50.000.000đồng.

Tổng cộng 325.000.000đồng, đến nay chưa trả cho vợ chồng bà P.

Nay bà P, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: *Buộc bà L, ông T trả cho bà P, ông H số tiền nợ hụi là 78.000.000đồng và số tiền nợ vay là 325.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.*

Bà P, ông H yêu cầu bà L, ông T cùng trả nợ do việc vay nợ tuy ông T không tham gia thỏa thuận, ký các giấy tờ nhưng bà L, ông T là vợ chồng sống chung một nhà, bà L hốt hụi hay vay tiền đem về nhà thì vợ chồng sử dụng chung thì ông T phải biết và phải cùng có trách nhiệm trả nợ với bà L. Bà P, ông H chỉ đồng ý cho bà L, ông T trả dần nợ với mức 50.000.000đồng/tháng cho đến khi dứt nợ, nếu bà L, ông T không đồng ý thì yêu cầu bà L, ông T trả số tiền nợ trong một lần.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà L trình bày:* Bà L thừa nhận có là hụi viên, tham gia chơi 04 dây hụi tháng và 03 dây hụi mùa do bà P làm chủ hụi và còn nợ lại bà P, ông H số tiền hụi là 78.000.000đồng; có vay tiền của bà P 09 lần với tổng số tiền là 325.000.000đồng; theo như lời trình bày của bà P, ông H trong đơn khởi kiện là đúng; 02 khoản nợ này bà L đều thừa nhận có nợ bà P, ông H và cũng đồng ý trả cho bà P, ông H nhưng do hiện nay bà L gặp nhiều khó khăn nên không có khả năng trả nợ một lần, đề nghị cho bà L được trả dần với mức 1.000.000đồng/tháng cho đến khi dứt nợ, vì hiện nay bà L còn nợ tiền nhiều người chứ không chỉ nợ bà P, ông H. Tiền hụi và tiền vay được bà L sử dụng để cho người khác vay lại nhưng những người này hiện nay đã bỏ địa phương đi, không trả tiền cho bà L dẫn đến việc bà L bị bế nợ và không có khả năng trả nợ cho bà P, ông H.

Việc bà L chơi hụi và vay tiền của bà P, ông H thì chỉ có bà L trực tiếp thỏa thuận với bà P, ông H chứ chồng bà L là ông T không có tham gia và không có liên quan. Bà L, ông T là vợ chồng sống chung một nhà, hai người đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn, có 01 người con chung sinh năm 2000.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông T trình bày:* Ông T, bà L là vợ chồng sống chung một nhà, hai người đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn, có 01 người con chung sinh năm 2000.

Ông T công tác tại Ủy ban nhân dân xã B1, huyện C. Việc bà L chơi hụi và vay tiền của bà P, ông H thì ông T có biết nhưng chơi hụi, vay tiền như thế nào, với số tiền bao nhiêu thì ông T không biết rõ vì chỉ có bà L trực tiếp thỏa thuận với bà P, ông H chứ ông T không có tham gia và không có liên quan; việc chơi hụi, vay tiền không diễn ra tại nhà ông T mà ở nhà bà P, ông H, các giấy liên quan đến

việc chơi hụi, vay tiền bà P, ông H không có giao cho ông T giữ. Sau khi biết bà L có nợ tiền hụi, tiền vay của bà P, ông H thì do bà P cũng là cháu bà con của ông T nên ông T mới chịu đứng ra phụ trả nợ cho bà L, nhưng do giữa hai bên không thống nhất được phương thức trả nợ nên thỏa thuận không thành, từ đó mà bà P, ông H khởi kiện ông T, bà L ra Tòa án. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà P, ông H thì ông T không đồng ý liên đới cùng với bà L trả số tiền nợ hụi, nợ vay cho bà P, ông H vì ông T không có tham gia và không có liên quan đến việc chơi hụi, vay tiền giữa hai bên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H là nguyên đơn đồng thời cũng là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà P vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, ông H, giải quyết buộc bà L, ông T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P, ông H số tiền nợ hụi là 78.000.000đồng và số tiền nợ vay là 325.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, bà P, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L, ông T trả cho bà P, ông H số tiền nợ hụi là 78.000.000đồng và số tiền nợ vay là 325.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi; TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các bị đơn bà L, ông T có địa chỉ cư trú tại ấp A1, xã B1, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà P vắng mặt nhưng có ông H là người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà P, ông H cho rằng bà P làm chủ hụi, bà L là hụi viên có trực tiếp tham gia chơi hụi của bà P ở 04 dây hụi tháng và 03 dây hụi mùa và hiện nay còn nợ tiền hụi chết với tổng số tiền là 78.000.000đồng,

cụ thể: **Dây hội tháng thứ nhất** 1.000.000đồng, mở ngày 15/5/2019 âl, bà L tham gia 03 phần và đã hót hội hết, mỗi phần còn nợ 3.000.000đồng, tổng cộng còn nợ là 9.000.000đồng; **Dây hội tháng thứ hai** 1.000.000đồng, mở ngày 15/10/2019 âl, bà L tham gia 03 phần và đã hót hội hết, mỗi phần còn nợ 3.000.000đồng, tổng cộng còn nợ là 9.000.000đồng; **Dây hội tháng thứ ba** 1.000.000đồng, mở ngày 30/11/2019 âl, bà L tham gia 03 phần và đã hót hội hết, mỗi phần còn nợ 2.000.000đồng, tổng cộng còn nợ là 6.000.000đồng; **Dây hội tháng thứ tư** 1.000.000đồng, mở ngày 29/7/2020 âl, bà L tham gia 03 phần và đã hót hội hết, mỗi phần còn nợ 2.000.000đồng, tổng cộng còn nợ là 6.000.000đồng; **Dây hội mùa thứ nhất** 5.000.000đồng, mở ngày 06/8/2016 âl, bà L tham gia 06 phần và đã hót hội hết, mỗi phần còn nợ 5.000.000đồng, tổng cộng còn nợ là 30.000.000đồng; **Dây hội mùa thứ hai** 5.000.000đồng, mở ngày 15/12/2018 âl, bà L tham gia 03 phần và đã hót hội hết, mỗi phần còn nợ 5.000.000đồng, tổng cộng còn nợ là 15.000.000đồng; **Dây hội mùa thứ ba** 3.000.000đồng, mở ngày 30/11/2019 âl, bà L tham gia 01 phần và đã hót hội hết, tổng cộng còn nợ là 3.000.000đồng. Đồng thời, bà L có trực tiếp vay mượn tiền của bà P, ông H 09 lần, đều có làm biên nhận và hiện nay còn nợ tổng số tiền là 325.000.000đồng, cụ thể: **Lần thứ nhất**, ngày 22/02/2019, số tiền 15.000.000đồng; **Lần thứ hai**, ngày 26/8/2019, số tiền 30.000.000đồng; **Lần thứ ba**, ngày 15/02/2020, số tiền 10.000.000đồng; **Lần thứ tư**, ngày 20/6/2020, số tiền 60.000.000đồng; **Lần thứ năm**, ngày 20/6/2020, số tiền 30.000.000đồng; **Lần thứ sáu**, ngày 02/6/2020, số tiền 50.000.000đồng; **Lần thứ bảy**, ngày 25/6/2020, số tiền 20.000.000đồng; **Lần thứ tám**, ngày 12/8/2020, số tiền 60.000.000đồng; **Lần thứ chín**, ngày 08/10/2020, số tiền 50.000.000đồng. Bà L thống nhất thừa nhận hiện nay bà L có nợ của bà P, ông H số tiền hội là 78.000.000đồng và số tiền vay mượn là 325.000.000đồng theo như lời trình bày của bà P, ông H nêu trên là đúng sự thật, bà L cũng đồng ý trả nợ cho bà P, ông H nhưng do hiện nay bà L đang gặp nhiều khó khăn nên xin trả dần nợ với mức 1.000.000đồng/tháng cho đến khi dứt nợ. Sự thừa nhận của bà P, ông H, bà L nêu trên là các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định việc bà L có nợ của bà P, ông H số tiền hội là 78.000.000đồng và số tiền vay mượn là 325.000.000đồng là sự thật. Do bà L đã vi phạm thỏa thuận về góp hội, vay tài sản được xác lập giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ góp hội của hội viên và nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên việc bà P, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L phải có nghĩa vụ trả số tiền hội và số tiền vay mượn còn nợ là phù hợp theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 466, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường; các Điều 24, 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường, nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm trả nợ: Bà P, ông H yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà L trả số tiền hội và số tiền vay mượn còn nợ, nhưng ông T không đồng ý vì cho rằng việc bà L chơi hội, vay mượn tiền của bà P, ông H chỉ do một mình bà L thực hiện, ông T không có tham gia, không hay biết và không có liên

quan. Xét thấy, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 151/2021/DS-ST ngày 29/9/2021 của TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, giữa nguyên đơn bà M với các bị đơn bà L, ông T đối với 09 lần bà L vay mượn tiền của bà M (09 lần vay mượn tiền này diễn ra vào năm 2019, 2020 cùng thời điểm với 09 lần vay mượn tiền mà bà P, ông H yêu cầu trong vụ án này) đã nhận định: “*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, bà M có cho bà L mượn tiền nhiều lần để bà L cho vay lại hưởng phần chênh lệch... tính đến ngày 20/9/2020 thì bà L vay của bà M với tổng số tiền là 270.000.000đồng... Bà L vay tiền mục đích là để cho vay lại lấy lãi chênh lệch phục vụ cuộc sống gia đình nên ông T cũng có trách nhiệm cùng với bà L trả nợ cho bà M đối với số tiền trên...*”, từ đó bản án đã giải quyết buộc bà L, ông T cùng có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền vay mượn còn nợ là 270.000.000đồng. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 163/2021/DS-ST ngày 29/10/2021 của TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết về tranh chấp hợp đồng góp hội, giữa nguyên đơn ông V với các bị đơn bà L, ông T đối với 04 dây hội do bà L làm chủ hội, ông V là hội viên (04 dây hội này được mở vào năm 2019, 2020 cùng thời điểm với 07 dây hội mà bà P, ông H yêu cầu trong vụ án này) đã nhận định: “*... Đối với bị đơn ông T tuy không thừa nhận có trực tiếp làm chủ hội cùng với bà L nhưng ông không hợp tác với Tòa án cung cấp lời khai để chứng minh... tại tòa, bà L cho biết bà vợ của ông T và có con chung, cùng ở chung một nhà, thu nhập từ việc tham gia hội có phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình; vì vậy, về trách nhiệm liên đới cần được đặt ra với ông T phải cùng có trách nhiệm chung về quyền lợi và nghĩa vụ với bà L...*”, từ đó bản án đã giải quyết buộc bà L, ông T cùng có nghĩa vụ trả cho ông V số tiền hội còn nợ là 60.180.000đồng. Sau khi xét xử, 02 bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên đều đã có hiệu lực pháp luật. Quá trình giải quyết 02 vụ án nêu trên, bà L thừa nhận mục đích vay mượn tiền là để cho người khác vay lại nhằm hưởng phần chênh lệch, do người vay lại không trả nên bà L mới không có khả năng trả nợ vay; việc bà L tổ chức chơi hội và làm chủ hội thì ông T biết, việc khai hội diễn ra ngay tại nhà bà L, ông T; lợi ích thu được từ việc chơi hội, vay tiền đều có đưa vào phục vụ cho cuộc sống trong gia đình. Theo điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì “*Những tình tiết, sự kiện đã được xác định trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có hiệu lực pháp luật*” bao gồm những tình tiết, sự kiện không chỉ nằm trong phần Quyết định của bản án mà nằm cả trong phần Nhận định của bản án, nên nhận định của 02 bản án nêu trên là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án này, bà L vẫn tiếp tục thừa nhận tiền hót hội và tiền vay mượn được bà L sử dụng để cho người khác vay lại nhằm hưởng phần chênh lệch (tiền lãi), mục đích là tạo ra thu nhập để chăm lo cho con cái, phục vụ cho các nhu cầu sinh hoạt chung trong gia đình, nhưng do người vay lại không trả nên bà L mới không có khả năng đóng hội, trả nợ vay cho bà P, ông H; ông T cũng thừa nhận việc bà L chơi hội, vay mượn tiền thì ông T có biết chỉ không biết rõ là chơi hội, vay mượn tiền như thế nào, trong quá trình vợ chồng chung sống với nhau việc bỏ ra chi phí để chăm lo cho con cái, phục vụ cho các nhu cầu sinh hoạt chung trong gia đình thì ông T và bà L đều có đóng góp, ai có bao nhiêu thì đóng góp bấy nhiêu. Hơn nữa, việc chơi hội, vay

mượn tiền xảy ra vào thời điểm bà L, ông T là vợ chồng, tuy không có đăng ký kết hôn nhưng hai người đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 (khoảng 23 năm) cho đến nay, cùng ở chung một nhà và có 01 người con chung sinh năm 2000, mọi sinh hoạt chi tiêu, phục vụ cho cuộc sống gia đình do hai người cùng nhau thực hiện; việc bà L chơi hụi, vay mượn tiền cũng như cho người khác vay lại diễn ra công khai tại ấp A1, xã B1, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, đặc biệt là bà L có tổ chức khui hụi ngay tại nhà bà L, ông T thì xác định là ông T đã biết và đồng thuận. Từ các vấn đề này cùng với nhận định của 02 bản án nêu trên đã có căn cứ để Hội đồng xét xử xác định việc bà L chơi hụi, vay mượn tiền để cho người khác vay lại cũng như để tổ chức, duy trì các dây hụi do chính bà L làm chủ hụi là nhằm mục đích hưởng các lợi ích vật chất, tạo ra thu nhập không chỉ cho một mình bà L thụ hưởng mà còn sử dụng để lo cho lợi ích chung của gia đình, ông T đã biết và đồng thuận. Vì vậy, ông T phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà L trả số tiền hụi và số tiền vay mượn còn nợ cho bà P, ông H theo quy định tại các Điều 14, 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về vấn đề tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án, bà P, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc tính lãi đối với số tiền nợ gốc, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về vấn đề tiền lãi.

[7] Theo đơn khởi kiện của bà P, ông H thì tính đến thời điểm khởi kiện 07 dây hụi vẫn chưa mãn, nên đối với các lần khui hụi mà bà P, ông H chưa có yêu cầu trong vụ án này thì sau này bà P, ông H có quyền tiếp tục khởi kiện, tranh chấp trong một vụ án khác.

[8] Về việc bà P, ông H yêu cầu bà L, ông T trả số tiền còn nợ với mức 50.000.000đồng/tháng cho đến khi dứt nợ hoặc trả trong một lần cũng như việc bà L yêu cầu được trả dần số tiền còn nợ với mức 1.000.000đồng/tháng cho đến khi dứt nợ thì Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, vì việc trả số tiền còn nợ này theo phương thức nào (một lần, nhiều lần hay hàng tháng) là thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án, các đương sự có quyền tự thỏa thuận với nhau tại giai đoạn thi hành án.

[9] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, ông H, buộc bà L, ông T phải cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P, ông H số tiền hụi là 78.000.000đồng và số tiền vay mượn là 325.000.000đồng.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm: Bà P, ông H không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng đã nộp; bà L, ông T phải cùng chịu án phí sơ thẩm tương ứng trên số tiền phải trả cho bà P, ông H là 20.000.000đồng + (4% x 3.000.000đồng) = 20.120.000đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 288, 357, 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 14, 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biểu, phường; các Điều 24, 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biểu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P và ông H về việc yêu cầu bà L và ông T trả số tiền hội và số tiền vay mượn còn nợ.

Buộc bà L và ông T phải cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P và ông H số tiền nợ hội 78.000.000đồng và số tiền nợ vay 325.000.000đồng, tổng cộng là 403.000.000đồng (*Bốn trăm lẻ ba triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà P và ông H đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bà L và ông T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Bà P và ông H không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà P và ông H đã nộp (do ông H đại diện nộp) là 10.060.000đồng (*Mười triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001453, ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà L và ông T phải cùng chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 20.120.000đồng (*Hai mươi triệu một trăm hai mươi nghìn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (04);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt